

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TNH23B2** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH04226** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Tiếng anh**
Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2358102064574	Trần Ngọc Phương	Anh	29/05/2008				7	8.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0
2	2358102064575	Nguyễn Hoàng Kỳ	Bảo	25/02/2008				7	5.0	6.0	5.0	5.0	5.0		5.2
3	2358102064576	Huỳnh Tín	Đạt	05/12/2008				8	5.0	5.0	5.0	5.0	5.3		5.3
4	2358102064577	Dương Thúy	Huyền	07/07/2008				8	4.0	5.0	6.0	4.0	2.3		3.4
5	2358102064578	Trần Thị Kim	Khánh	25/08/2008				8	6.0	8.0	6.0	5.0	5.5		5.9
6	2358102064579	Hứa Trí	Kiên	07/01/2007				6	6.0	5.0	4.0	5.0	5.8		5.5
7	2358102064580	Nguyễn Trí	Kiệt	13/02/2008				5	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0		5.0
8	2358102064581	Võ Lê Mỹ	Kiều	26/07/2008				8	8.0	8.0	6.0	5.0	2.8		4.4
9	2358102064582	Lê Bảo	Kỳ	10/11/2007				5	5.0	5.0	5.0	5.0	2.5		3.5
10	2358102064583	Nguyễn Lê Thanh	Ngân	28/07/2007				5	5.0	5.0	5.0	5.0	3.3		4.0
11	2358102064584	Trần Minh	Nhật	05/10/2007				7	5.0	5.0	4.0	5.0	5.0		5.0
12	2358102064585	Nguyễn Thị Thùy	Nhiên	13/06/2001				0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
13	2358102064586	Huỳnh Văn Tài	Phong	03/04/2008				10	8.0	8.0	9.0	7.0	0.0		3.3
14	2358102064587	Trương Hồng	Thái	31/03/2008				8	7.0	6.0	6.0	6.0	6.5		6.5
15	2358102064588	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	02/01/2008				10	7.0	7.0	7.0	7.0	5.5		6.2
16	2358102064589	Võ Ngọc Mai	Trang	11/12/2008				9	5.0	6.0	5.0	7.0	5.0		5.4
17	2358102064590	Trần Ngọc	Trân	15/04/2008				10	8.0	8.0	8.0	8.0	8.5		8.4
18	2358102064591	Trần Thị Bảo	Trân	26/01/2008				6	5.0	5.0	5.0	5.0	5.8		5.5
19	2358102064592	Nguyễn Minh	Trí	04/05/2008				5	5.0	5.0	5.0	5.0	8.0		6.8
20	2358102064593	Nguyễn Hiếu	Trung	05/08/2008				10	10.0	10.0	9.0	10.0	9.3		9.5
21	2358102064594	Võ Thị Mỹ	Tú	02/04/2008				8	6.0	7.0	7.0	7.0	5.0		5.8
22	2358102064595	Nguyễn Ngọc Mỹ	Xuyên	10/02/2008				10	6.0	6.0	7.0	7.0	5.3		5.9

Châu Đốc, ngày 29 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trịnh Bửu Uyển